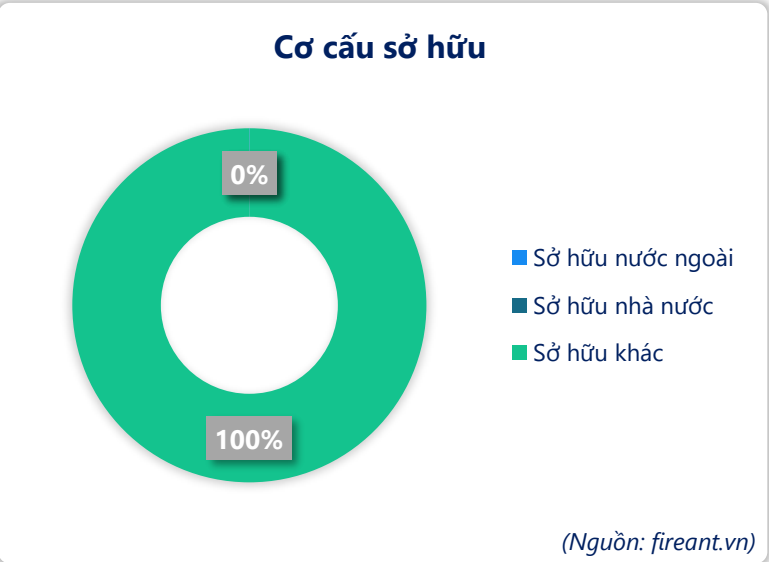
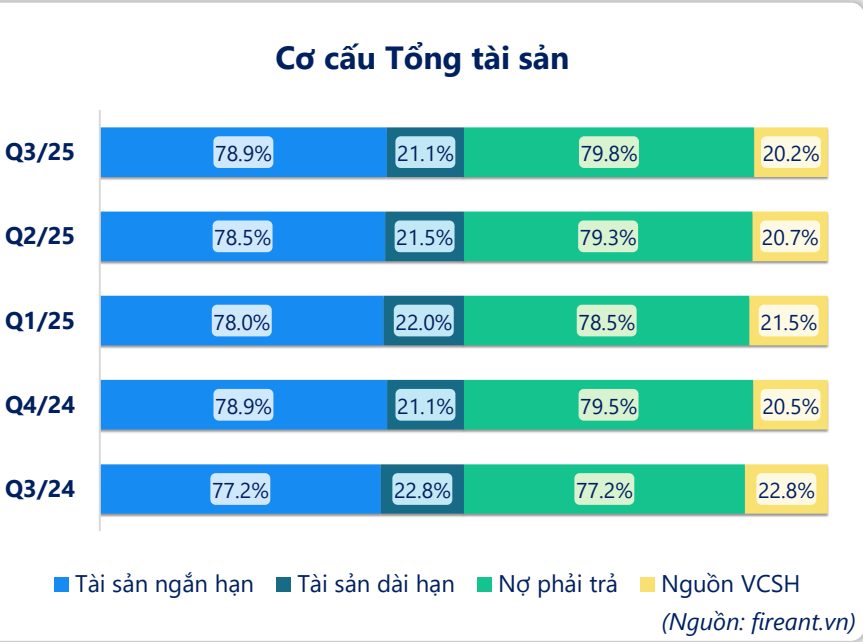
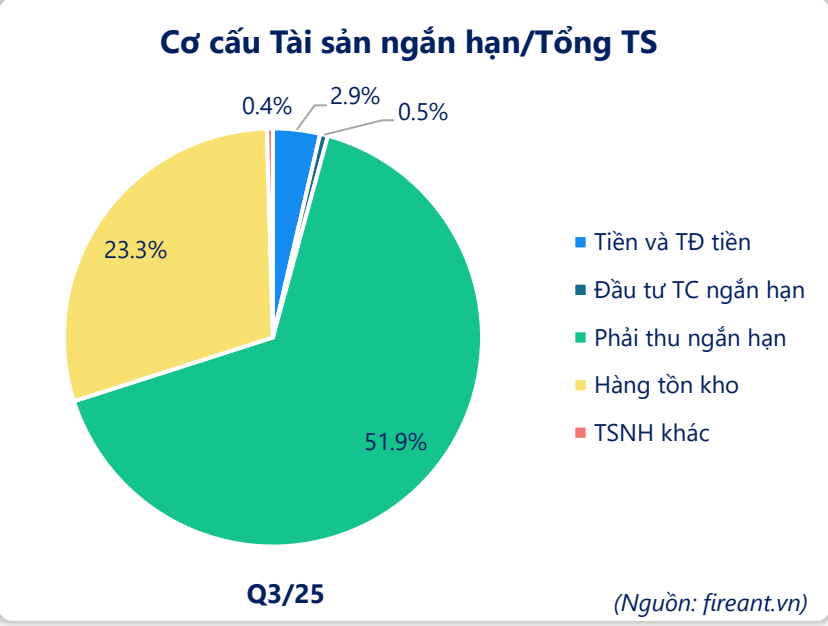
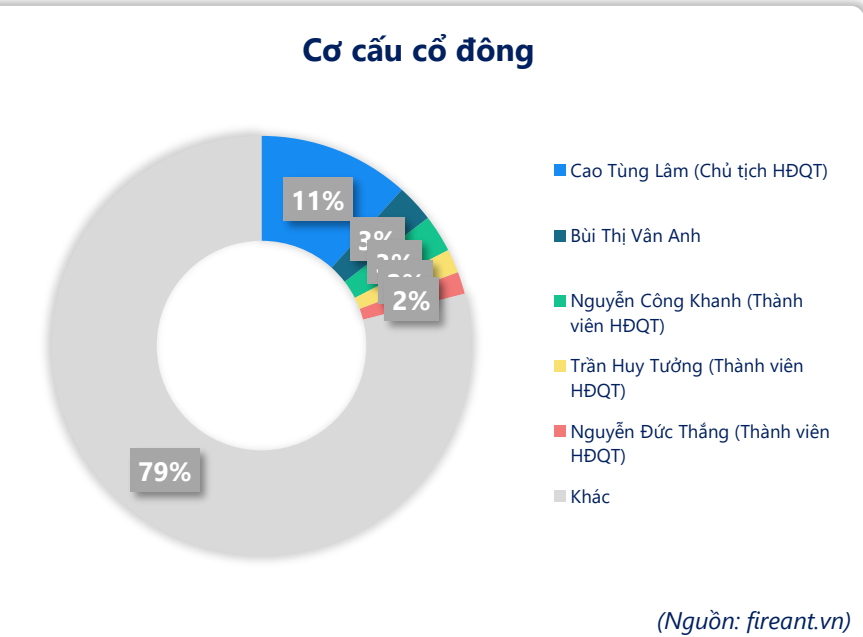
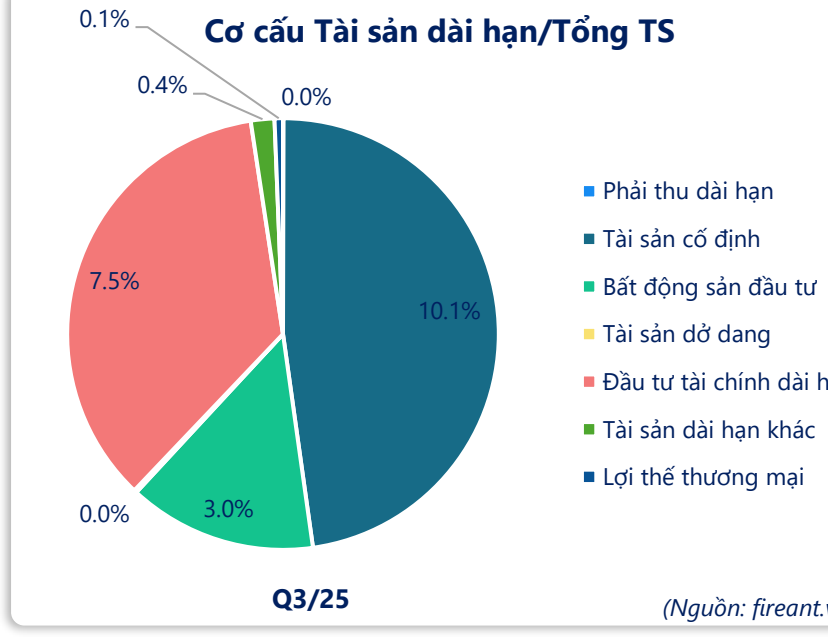
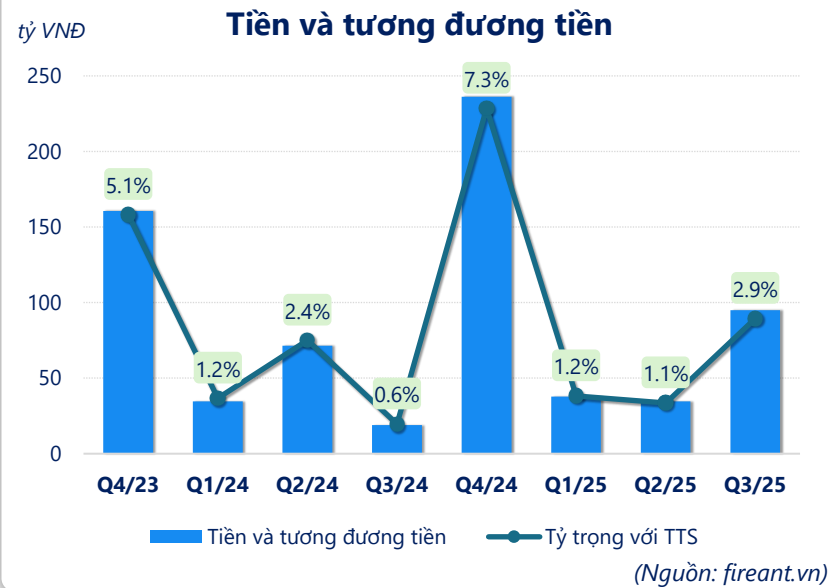
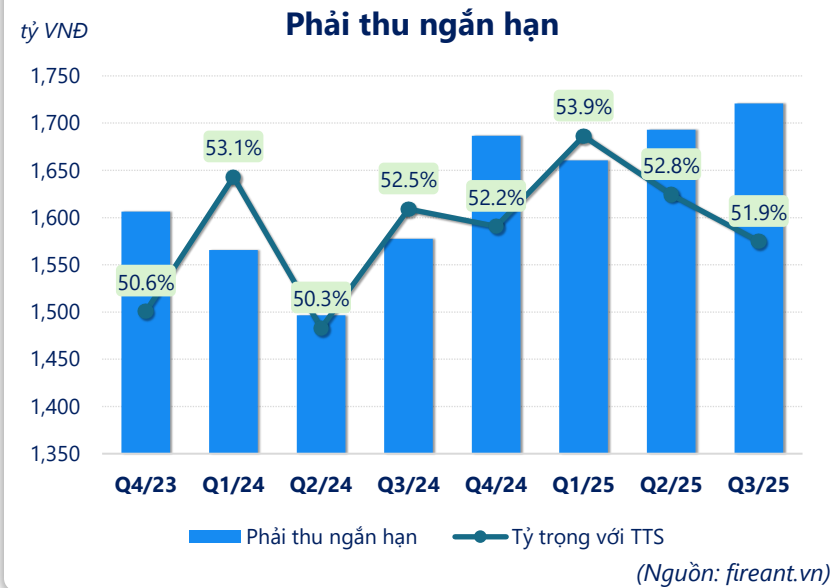
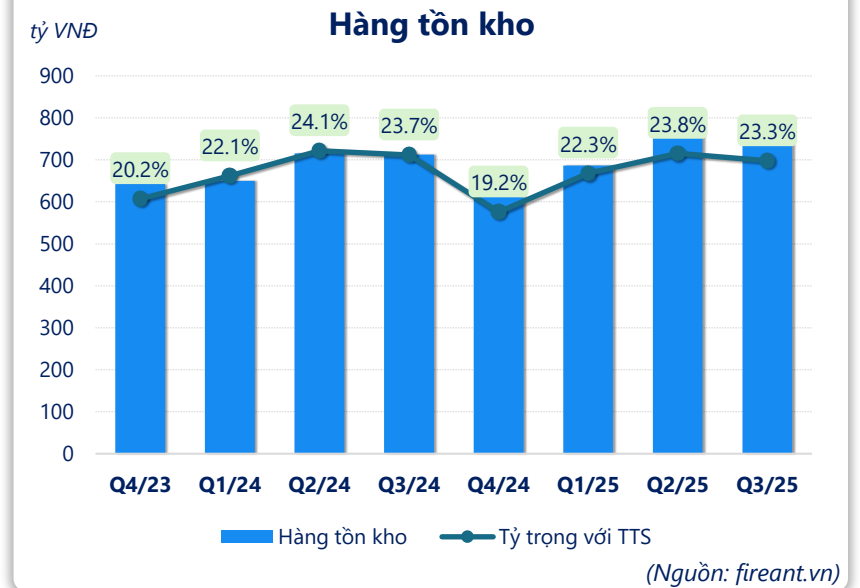
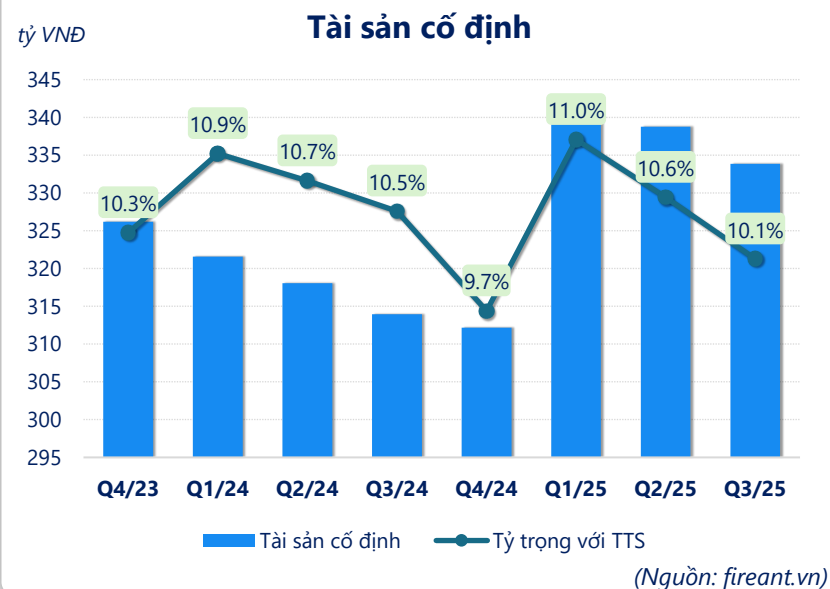
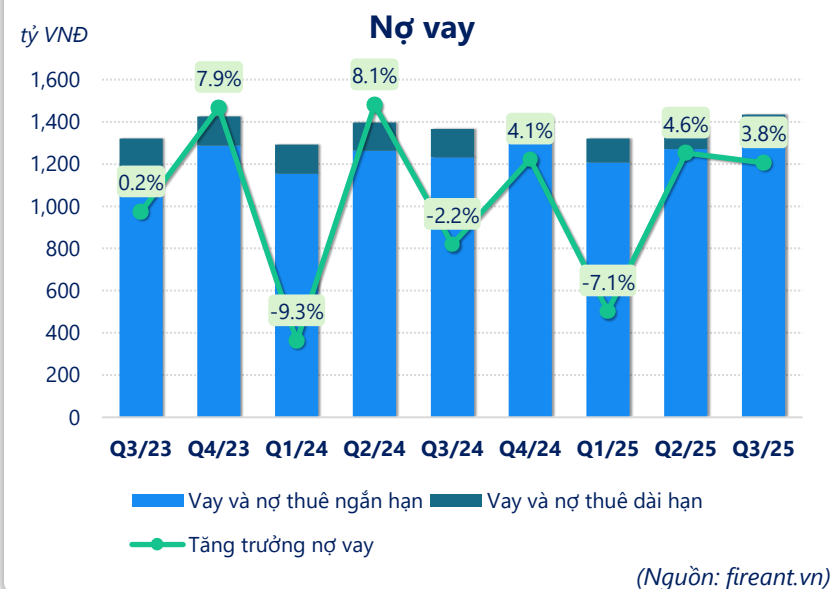
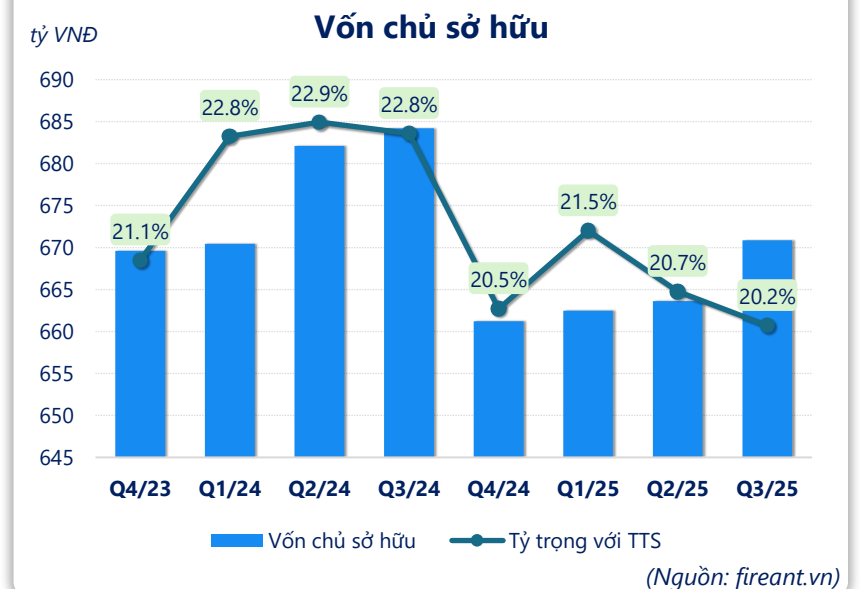
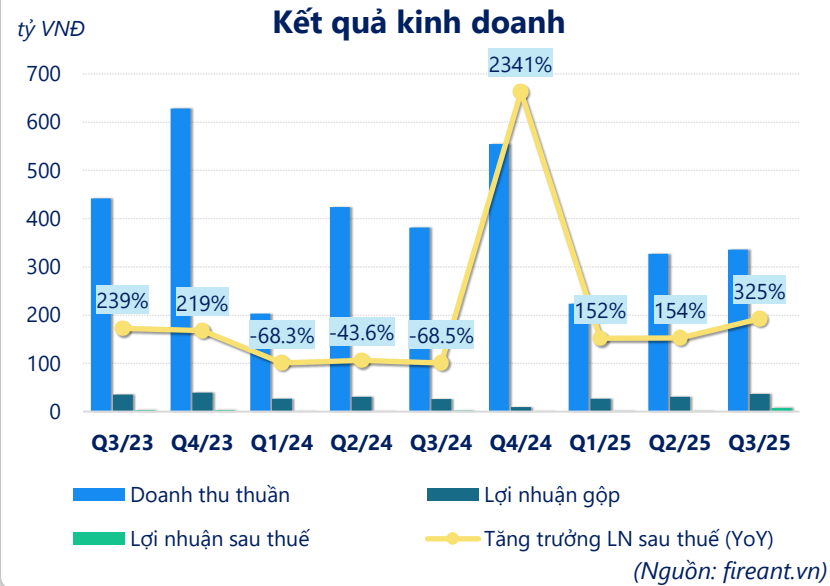
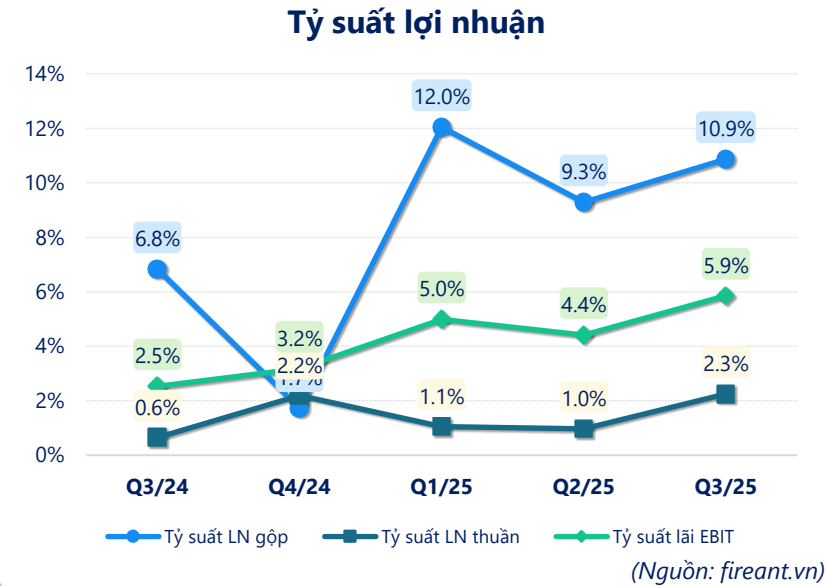
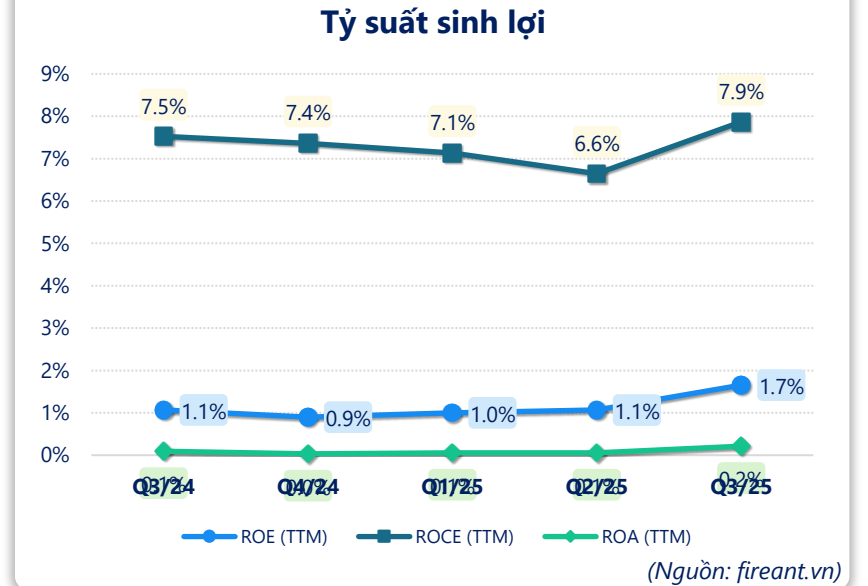
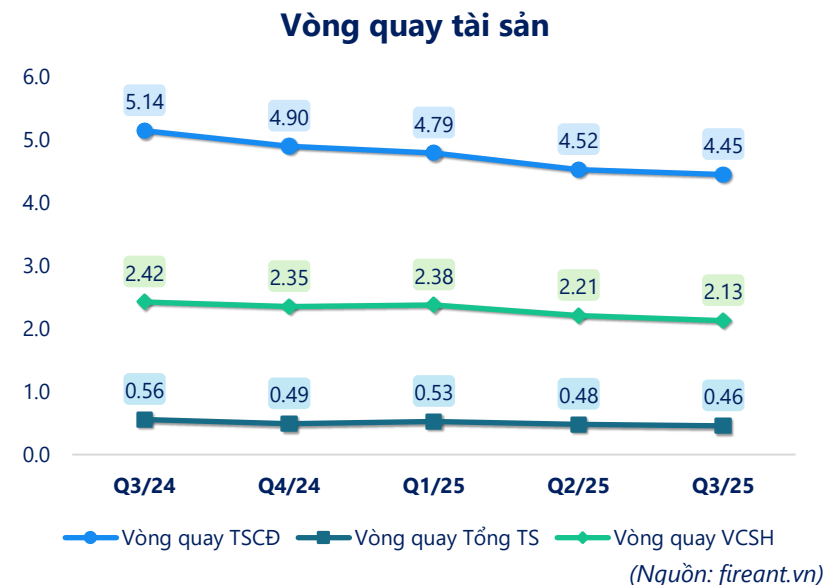
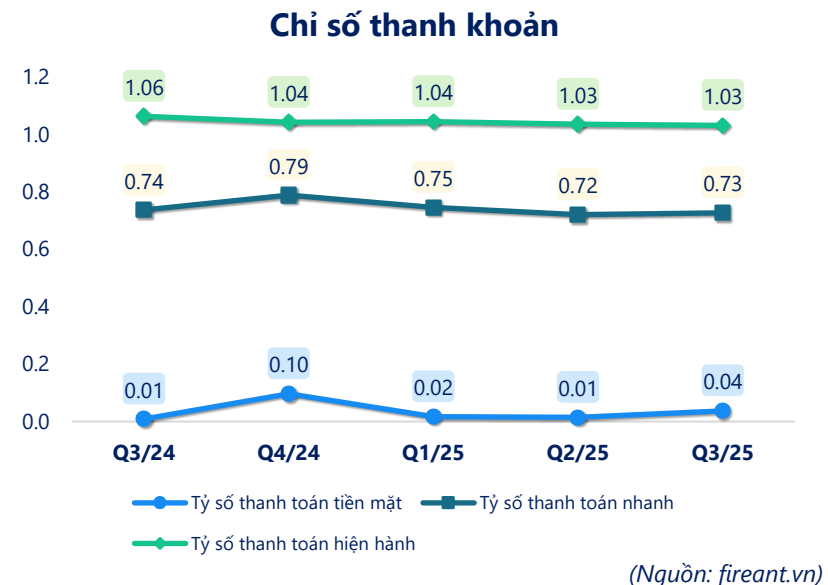
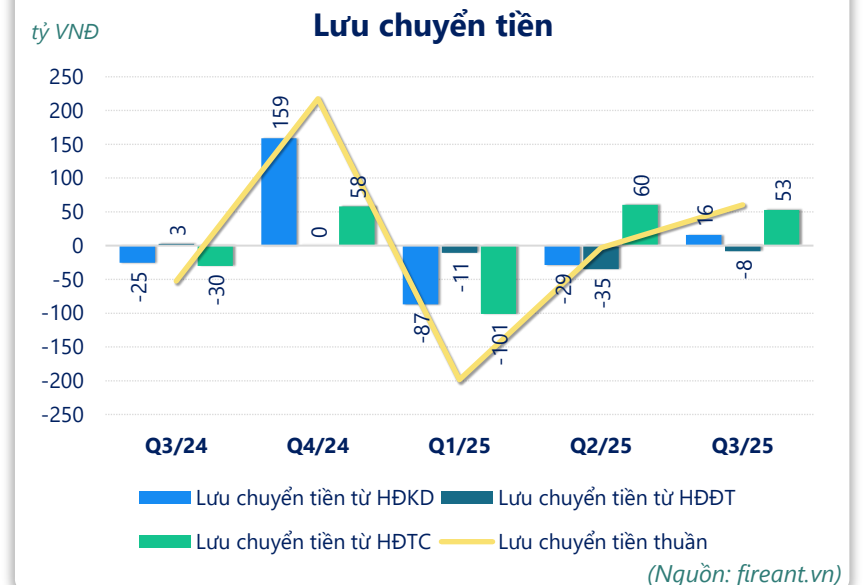


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,710
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
SL cổ phiếu LH		50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)		253,120
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		289
P/E		25.8
EPS		221

	YTD	1T	3T	6T
PHC	2.5%	-1.0%	13.5%	4.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,314	3,240	2.3%
Tài sản ngắn hạn	2,614	2,560	2.1%
Tiền và tương đương tiền	94.9	236	-59.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.9	2.00	695%
Phải thu ngắn hạn	1,721	1,689	1.9%
Hàng tồn kho	771	628	22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	4.92	145%
Tài sản dài hạn	699	681	2.8%
Phải thu dài hạn	0.29	0.85	-65.7%
Tài sản cố định	334	344	-3.1%
Bất động sản đầu tư	98.7	67.0	47.3%
Tài sản dở dang	1.46	1.46	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	248	245	1.4%
Tài sản dài hạn khác	12.4	17.3	-28.4%
Lợi thế thương mại	4.40	4.76	-7.6%
Nợ phải trả	2,643	2,579	2.5%
Nợ ngắn hạn	2,536	2,459	3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,328	1,303	2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	604	761	-20.6%
Nợ dài hạn	107	120	-11.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	106	120	-11.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	671	661	1.5%
Vốn chủ sở hữu	671	661	1.5%
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	381	554	223	327	336
Giá vốn hàng bán	355	545	196	297	299
Lợi nhuận gộp	26.0	9.60	26.9	30.4	36.5
Doanh thu HĐTC	0.60	29.1	0.56	0.67	0.97
Chi phí TC	8.31	8.19	9.51	12.5	12.1
Chi phí lãi vay	7.21	7.17	9.20	12.2	11.0
LN trong công ty LKLD	0.04	1.17	0.53	0.10	-0.03
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.9	19.6	16.1	15.5	17.8
LN thuần từ HĐKD	2.47	12.2	2.36	3.18	7.56
Lợi nhuận khác	-0.04	-1.69	-0.42	-1.01	1.12
LN trước thuế	2.44	10.5	1.94	2.17	8.67
Lợi nhuận sau thuế	2.10	1.04	1.26	1.12	7.25
LNST của CĐ cty mẹ	2.70	1.06	1.70	1.72	6.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.2	159	-86.8	-28.5	15.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.62	0.37	-10.7	-34.9	-8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.0	58.0	-101	60.2	53.0
Tiền đầu kỳ	71.5	18.9	236	37.8	34.5
Lưu chuyển tiền thuần	-52.6	217	-199	-3.24	60.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.9	236	37.8	34.5	94.9

(Nguồn: fireant.vn)